

HIẾN PHÁP NĂM 1946
CỦA NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
(Đ-ợc Quốc hội n-ớc Việt Nam dân chủ cộng hòa
thông qua ngày 09 - 11 - 1946)

LỜI NÓI ĐẦU

Cuộc cách mạng tháng Tám đã giành lại chủ quyền cho đất n-ớc, tự do cho nhân dân và lập ra nền dân chủ cộng hòa.

Sau tám m-ời năm tranh đấu, dân tộc Việt Nam đã thoát khỏi vòng áp bức của chính sách thực dân, đồng thời đã gạt bỏ chế độ vua quan. N-ớc nhà đã b-ớc sang một quãng đ-ờng mới.

Nhiệm vụ của dân tộc ta trong giai đoạn này là bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ.

Đ-ợc quốc dân giao cho trách nhiệm thảo bản Hiến pháp đầu tiên của n-ớc Việt Nam dân chủ cộng hòa, Quốc hội nhận thấy rằng Hiến pháp Việt Nam phải ghi lấy những thành tích vẻ vang của Cách mạng và phải xây dựng trên những nguyên tắc d-ới đây:

- Đoàn kết toàn dân, không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo;
- Đảm bảo các quyền tự do dân chủ;
- Thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân.

Với tinh thần đoàn kết, phấn đấu sẵn có của toàn dân, d-ới một chính thể dân chủ rộng rãi, n-ớc Việt Nam độc lập và thống nhất tiến b-ớc trên đ-ờng vinh quang, hạnh phúc, cùng nhịp với trào l-u tiến bộ của thế giới và ý nguyện hòa bình của nhân loại.

Chương I
CHÍNH THỢ

Điều thứ 1

N-ớc Việt Nam là một n-ớc dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong n-ớc là của toàn dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo.

Điều thứ 2

Đất n-ớc Việt Nam là một khối thống nhất, Trung Nam Bắc không thể phân chia.

Điều thứ 3

Cờ của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa nền đỏ, giữa có sao vàng năm cánh.

Quốc ca là bài Tiến quân ca.

Thủ đô đặt ở Hà Nội.

Chương II**NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CÔNG DÂN****Mục A - NGHĨA VỤ****Điều thứ 4**

Mỗi công dân Việt Nam phải :

- Bảo vệ tổ quốc.
- Tôn trọng Hiến pháp.
- Tuân theo pháp luật.

Điều thứ 5

Công dân Việt Nam có nghĩa vụ phải đi lính.

Mục B - QUYỀN LỢI**Điều thứ 6**

Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa.

Điều thứ 7

Tất cả công dân Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật, đều được tham gia chính quyền và công cuộc kiến quốc theo tài năng và đức hạnh của mình.

Điều thứ 8

Ngoài sự bình đẳng về quyền lợi, những quốc dân thiểu số được giúp đỡ về mọi phương diện để chóng tiến kịp trình độ chung.

Điều thứ 9

Đàn bà ngang quyền đàn ông về mọi phương diện.

Điều thứ 10

Công dân Việt Nam có quyền :

- Tự do ngôn luận.
- Tự do xuất bản.
- Tự do tổ chức và hội họp.
- Tự do tín ngưỡng.
- Tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài.

Điều thứ 11

T- pháp ch- a quyết định thì không đ- ọc bất bố và giam cầm ng- ời công dân Việt Nam.

Nhà ở và th- tín của công dân Việt Nam không ai đ- ọc xâm phạm một cách trái pháp luật.

Điều thứ 12

Quyền t- hữu tài sản của công dân Việt Nam đ- ọc bảo đảm.

Điều thứ 13

Quyền lợi các giới cần lao trí thức và chân tay đ- ọc bảo đảm.

Điều thứ 14

Những ng- ời công dân già cả hoặc tàn tật, không làm đ- ọc việc thì đ- ọc giúp đỡ. Trẻ con đ- ọc săn sóc về mặt giáo d- ỡng.

Điều thứ 15

Nền sơ học c- ỡng bách và không học phí ở các tr- ờng sơ học địa ph- ơng, quốc dân thiểu số có quyền học bằng tiếng của mình.

Học trò nghèo đ- ọc Chính phủ giúp.

Tr- ờng t- đ- ọc mở tự do và phải dạy theo ch- ơng trình Nhà n- ớc.

Điều thứ 16

Những ng- ời ngoại quốc tranh đấu cho dân chủ và tự do phải trốn tránh thì đ- ọc ngụ trên đất Việt Nam.

Mục C - B□U C□, B□I MI□N VÀ PH□C QUY□T**Điều thứ 17**

Chế độ bầu cử là phổ thông đầu phiếu. Bỏ phiếu phải tự do, trực tiếp và kín.

Điều thứ 18

Tất cả công dân Việt Nam, từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt gái trai, đều có quyền bầu cử, trừ những ng- ời mất trí và những ng- ời mất công quyền.

Ng- ời ứng cử phải là ng- ời có quyền bầu cử, phải ít ra là 21 tuổi, và phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ.

Công dân tại ngũ cũng có quyền bầu cử và ứng cử.

Điều thứ 19

Cách thức tuyển cử phải do luật định.

Điều thứ 20

Nhân dân có quyền bãi miễn các đại biểu mình đã bầu ra, theo điều thứ 41 và 61.

Điều thứ 21

Nhân dân có quyền phúc quyết về Hiến pháp và những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia, theo điều thứ 32 và 70.

Chương III**NGHỊ VIỆN NHÂN DÂN****Điều thứ 22**

Nghị viện nhân dân là cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Điều thứ 23

Nghị viện nhân dân giải quyết mọi vấn đề chung cho toàn quốc, đặt ra các pháp luật, biểu quyết ngân sách, chuẩn y các hiệp - ước mà Chính phủ ký với nước ngoài.

Điều thứ 24

Nghị viện nhân dân do công dân Việt Nam bầu ra. Ba năm bầu một lần. Cứ 5 vạn dân thì có một nghị viên.

Số nghị viên của những đô thị lớn và những địa phương có quốc dân thiểu số sẽ do luật định.

Điều thứ 25

Nghị viên không phải chỉ thay mặt cho địa phương mình mà còn thay mặt cho toàn thể toàn dân.

Điều thứ 26

Nghị viện nhân dân tự thẩm tra xem các nghị viên có được bầu hợp lệ hay không.

Điều thứ 27

Nghị viện nhân dân bầu một Nghị trưởng, hai Phó nghị trưởng, 12 ủy viên chính thức, 3 ủy viên dự khuyết để lập thành Ban thường vụ.

Nghị trưởng và Phó Nghị trưởng kiêm chức Trưởng và Phó trưởng ban thường vụ.

Điều thứ 28

Nghị viện nhân dân mỗi năm họp hai lần do Ban thường vụ triệu tập vào tháng 5 và tháng 11 dương lịch.

Ban thường vụ có thể triệu tập hội nghị bất thường nếu xét cần.

Ban thường vụ có thể triệu tập Nghị viện nếu một phần ba tổng số nghị viên hoặc Chính phủ yêu cầu.

Điều thứ 29

Phải có quá nửa tổng số nghị viên tới họp, hội nghị mới được biểu quyết.

Nghị viện quyết nghị theo quá nửa số nghị viên có mặt.

Nh- ng muốn tuyên chiến thì phải có hai phần ba số nghị viên có mặt bỏ phiếu thuận.

Điều thứ 30

Nghị viện họp công khai, công chúng đ- ọc vào nghe.

Các báo chí đ- ọc phép thuật lại các cuộc thảo luận và quyết định của Nghị viện.

Trong những tr- ờng hợp đặc biệt, Nghị viện có thể quyết nghị họp kín.

Điều thứ 31

Những luật đã đ- ọc Nghị viện biểu quyết Chủ tịch n- ớc Việt Nam phải ban bố chậm nhất là m- ời hôm sau khi nhận đ- ọc thông tri. Nh- ng trong hạn ấy, Chủ tịch có quyền yêu cầu Nghị viên thảo luận lại. Những luật đem ra thảo luận lại, nếu vẫn đ- ọc Nghị viện - ng chuẩn thì bắt buộc Chủ tịch phải ban bố.

Điều thứ 32

Những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đ- a ra nhân dân phúc quyết, nếu hai phần ba tổng số nghị viên đồng ý.

Cách thức phúc quyết sẽ do luật định.

Điều thứ 33

Khi nào hai phần ba tổng số Nghị viên đồng ý, Nghị viện có thể tự giải tán. Ban th- ờng vụ thay mặt Nghị viện tuyên bố tự giải tán ấy.

Điều thứ 34

Khi Nghị viện nhân dân đã hết hạn hoặc ch- a hết hạn mà tự giải tán, thì Ban th- ờng vụ giữ chức quyền cho đến khi bầu lại Nghị viện nhân dân mới.

Điều thứ 35

Hai tháng tr- ớc khi Nghị viện nhân dân hết hạn, Ban th- ờng vụ tuyên bố cuộc bầu cử lại. Cuộc bầu cử mới phải làm xong trong hai tháng tr- ớc ngày Nghị viện hết hạn.

Khi Nghị viện nhân dân tự giải tán, Ban th- ờng vụ tuyên bố ngay cuộc bầu cử lại. Cuộc bầu cử mới làm xong trong hai tháng sau ngày Nghị viện tự giải tán.

Chậm nhất là một tháng sau cuộc bầu cử, Ban th- ờng vụ phải họp Nghị viện nhân dân mới.

Trong khi có chiến tranh mà Nghị viện hết hạn thì Nghị viện hoặc Ban th- ờng vụ có quyền gia hạn thêm một thời gian không nhất định. Nh- ng chậm nhất là sáu tháng sau chiến tranh kết liễu thì phải bầu lại Nghị viện.

Điều thứ 36

Khi Nghị viện không họp, Ban th- ờng vụ có quyền :

a) Biểu quyết những dự án sắc luật của Chính phủ. Những sắc luật đó phải đem trình Nghị viện vào phiên họp gần nhất để Nghị viện ứng chuẩn hoặc phế bỏ.

b) Triệu tập Nghị viện nhân dân.

c) Kiểm soát và phê bình Chính phủ.

Điều thứ 37

Phải có quá nửa tổng số nhân viên bỏ phiếu thuận, những nghị quyết của Ban th- ờng vụ mới có giá trị.

Điều thứ 38

Khi Nghị viện không họp đ- ọc, Ban th- ờng vụ cùng với Chính phủ có quyết định tuyên chiến hay đình chiến.

Điều thứ 39

Đầu mỗi khóa họp, sau khi Ban th- ờng vụ báo cáo công việc, vấn đề bỏ phiếu tín nhiệm Ban th- ờng vụ có thể nêu ra, nếu có một phần t- tổng số nghị viên yêu cầu. Toàn Ban th- ờng vụ cũ có thể đ- ọc bầu lại.

Điều thứ 40

Nếu ch- a đ- ọc Nghị viện nhân dân đồng ý trong lúc Nghị viện không họp mà ch- a đ- ọc Ban th- ờng vụ đồng ý thì Chính phủ không đ- ọc bắt giam và xét xử những nghị viên.

Nghị viên không bị truy tố vì lời nói hay biểu quyết trong Nghị viện.

Trong tr- ờng họp phạm pháp quả tang, Chính phủ có thể bắt giam nghị viên ngay nh- ng chậm nhất là 24 giờ phải thông tri cho Ban th- ờng vụ. Ban th- ờng vụ hoặc Nghị viện sẽ định đoạt.

Khi một nghị viên mất quyền ứng cử thì đồng thời mất cả t- cách nghị viên.

Điều thứ 41

Nghị viện phải xét vấn đề bãi miễn một nghị viên khi nhận đ- ọc đề nghị của một phần t- tổng số cử tri tỉnh hay thành phố đã bầu ra nghị viên đó. Nếu hai phần ba tổng số nghị viên - ng thuận đề nghị bãi miễn thì nghị viên đó phải từ chức.

Điều thứ 42

Phụ cấp của các nghị viên sẽ do luật định.

Chương IV**CHÍNH PHỦ****Điều thứ 43**

Cơ quan hành chính cao nhất của toàn quốc là Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Điều thứ 44

Chính phủ gồm có Chủ tịch n-ớc Việt Nam dân chủ cộng hòa, Phó Chủ tịch và Nội các.

Nội các có Thủ t-ớng, các Bộ tr-ởng, Thứ tr-ởng. Có thể có Phó Thủ t-ớng.

Điều thứ 45

Chủ tịch n-ớc Việt Nam dân chủ cộng hòa chọn trong Nghị viện nhân dân và phải đ-ợc hai phần ba tổng số nghị viên bỏ phiếu thuận.

Nếu bỏ phiếu lần đầu mà không đủ số phiếu ấy, thì lần thứ nhì sẽ theo đa số t-ớng đối.

Chủ tịch n-ớc Việt Nam đ-ợc bầu ra trong thời hạn 5 năm và có thể đ-ợc bầu lại.

Trong vòng một tháng tr-ớc khi hết nhiệm kỳ của Chủ tịch, Ban th-ờng vụ phải triệu tập Nghị viện đề bầu Chủ tịch mới.

Điều thứ 46

Phó Chủ tịch n-ớc Việt Nam dân chủ cộng hòa chọn trong nhân dân và bầu theo lệ th-ờng.

Nhiệm kỳ của Phó Chủ tịch theo nhiệm kỳ của Nghị viện.

Phó Chủ tịch giúp đỡ Chủ tịch.

Khi Chủ tịch từ trần hay từ chức thì Phó Chủ tịch tạm quyền Chủ tịch. Chậm nhất là hai tháng phải bầu Chủ tịch mới.

Điều thứ 47

Chủ tịch n-ớc Việt Nam chọn Thủ t-ớng trong Nghị viện và đ- a ra Nghị viện biểu quyết. Nếu đ-ợc Nghị viện tín nhiệm, Thủ t-ớng chọn các Bộ tr-ởng trong Nghị viện và đ- a ra Nghị viện biểu quyết toàn thể danh sách. Thứ tr-ởng có thể chọn ngoài Nghị viện và do Thủ t-ớng đề ra Hội đồng Chính phủ duyệt y.

Nhân viên Ban th-ờng vụ Nghị viện không đ-ợc tham dự vào Chính phủ.

Điều thứ 48

Nếu khuyết Bộ tr-ởng nào thì Thủ t-ớng thỏa thuận với Ban th-ờng vụ để chỉ định ng-ời tạm thay cho đến khi Nghị viện họp và chuẩn y.

Điều thứ 49

Quyền hạn của Chủ tịch n-ớc Việt Nam dân chủ cộng hòa:

a) Thay mặt cho n-ớc.

b) Giữ quyền Tổng chỉ huy quân đội toàn quốc, chỉ định hoặc cách chức các t-ổng soái trong lục quân, hải quân, không quân.

c) Ký sắc lệnh bổ nhiệm Thủ t-ổng, nhân viên Nội các và nhân viên các cấp thuộc các cơ quan Chính phủ.

d) Chủ tọa Hội đồng Chính phủ.

đ) Ban bố các đạo luật đã đ- ợc Nghị viện quyết nghị.

e) Th- ờng huy ch- ơng và các bằng cấp danh dự.

g) Đặc xá.

h) Ký hiệp - ớc với các n- ớc.

i) Phái đại biểu Việt Nam đến n- ớc ngoài và tiếp nhận đại biểu ngoại giao của các n- ớc.

k) Tuyên chiến hay đình chiến theo nh- điều 38 đã định.

Điều thứ 50

Chủ tịch n- ớc Việt Nam không phải chịu một trách nhiệm nào, trừ khi phạm tội phản quốc.

Điều thứ 51

Mỗi khi truy tố Chủ tịch, Phó Chủ tịch hay một nhân viên Nội các về tội phản quốc, Nghị viện sẽ lập một tòa án đặc biệt để xét xử.

Việc bắt bớ và truy tố tr- ớc tòa án một nhân viên Nội các và th- ờng tội phải có sự - ng thuận của Hội đồng Chính phủ.

Điều thứ 52

Quyền hạn của Chính phủ :

a) Thi hành các đạo luật và quyết nghị của Nghị viện.

b) Đề nghị những dự án luật ra tr- ớc Nghị viện.

c) Đề nghị những dự án sắc luật ra tr- ớc Ban th- ờng vụ, trong lúc Nghị viện không họp mà gặp tr- ờng họp đặc biệt.

d) Bãi bỏ những mệnh lệnh và nghị quyết của cơ quan cấp d- ới nếu cần.

đ) Bổ nhiệm hoặc cách chức các nhân viên trong các cơ quan hành chính hoặc chuyên môn.

e) Thi hành luật động viên và mọi ph- ơng sách cần thiết để giữ gìn đất n- ớc.

g) Lập dự án ngân sách hàng năm.

Điều thứ 53

Mỗi Sắc lệnh của Chính phủ phải có chữ ký của Chủ tịch n- ớc Việt Nam và tùy theo quyền hạn các Bộ, phải có một hay nhiều vị Bộ tr- ờng tiếp ký. Các vị Bộ tr- ờng ấy phải chịu trách nhiệm tr- ớc Nghị viện.

Điều thứ 54

Bộ tr- ởng nào không đ- ọc Nghị viện tín nhiệm thì phải từ chức. Toàn thể Nội các không phải chịu liên đới trách nhiệm về hành vi một Bộ tr- ởng.

Thủ t- ớng phải chịu trách nhiệm về con đ- ờng chính trị của Nội các. Nh- ng Nghị viện chỉ có thể biểu quyết về vấn đề tín nhiệm Thủ t- ớng, Ban th- ờng vụ hoặc một phần t- tổng số nghị viên nêu vấn đề ấy ra.

Trong hạn 24 giờ sau khi Nghị viện biểu quyết không tín nhiệm Nội các thì Chủ tịch n- ớc Việt Nam có quyền đ- a vấn đề tín nhiệm ra Nghị viện thảo luận lại. Cuộc thảo luận lần thứ hai phải cách cuộc thảo luận lần nhất là 48 giờ. Sau biểu quyết này, Nội các mất tín nhiệm phải từ chức.

Điều thứ 55

Các Bộ tr- ởng phải trả lời bằng lời th- từ hoặc trả lời bằng lời nói những điều chất vấn của Nghị viện hoặc của Ban th- ờng vụ. Kỳ hạn trả lời chậm nhất là 10 ngày sau khi nhận đ- ọc th- chất vấn.

Điều thứ 56

Khi Nghị viện hết hạn hoặc tự giải tán, Nội các giữ chức quyền cho đến khi họp Nghị viện mới.

Chương V**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ QUY BAN HÀNH CHÍNH****Điều thứ 57**

N- ớc Việt Nam về ph- ơng diện hành chính, gồm có 3 bộ : Bắc, Trung, Nam. Mỗi bộ chia thành tỉnh, mỗi tỉnh chia thành huyện, mỗi huyện chia thành xã.

Điều thứ 58

□ tỉnh, thành phố, thị xã và xã có Hội đồng nhân dân do đầu phiếu phổ thông, trực tiếp bầu ra.

Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, thị xã hay xã cử ra □y ban hành chính.

□ bộ và huyện, chỉ có □y ban hành chính. □y ban hành chính bộ do Hội đồng các tỉnh và thành phố bầu ra. □y ban hành chính huyện do Hội đồng các xã bầu ra.

Điều thứ 59

Hội đồng nhân dân quyết định về những vấn những thuộc địa ph- ơng mình. Những nghị quyết ấy không đ- ọc trái với chỉ thị của các cấp trên. □y ban hành chính có trách nhiệm :

a) Thi hành các mệnh lệnh của cấp trên.

b) Thi hành các nghị quyết của Hội đồng nhân dân địa phương mình sau khi được cấp trên chuẩn y.

c) Chỉ huy công việc hành chính trong địa phương.

Điều thứ 60

Ủy ban hành chính chịu trách nhiệm đối với cấp trên và đối với Hội đồng nhân dân địa phương mình.

Điều thứ 61

Nhân viên Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính có thể bị bãi miễn. Cách thức bãi miễn sẽ do luật định.

Điều thứ 62

Một đạo luật sẽ định rõ những chi tiết tổ chức các Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính.

Chương VI

CƠ QUAN TÒA PHÁP

Điều thứ 63

Cơ quan tư pháp của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa gồm có :

- a) Tòa án tối cao.
- b) Các tòa án phúc thẩm.
- c) Các tòa án đệ nhị cấp và sơ cấp.

Điều thứ 64

Các nhân viên thẩm phán đều do Chính phủ bổ nhiệm

Điều thứ 65

Trong khi xử việc hình thì phải có phụ thẩm nhân dân để tham gia ý kiến nếu là việc tiểu hình, hoặc cùng quyết định với thẩm phán nếu là việc đại hình.

Điều thứ 66

Quốc dân thiểu số có quyền dùng tiếng nói của mình trước tòa án.

Điều thứ 67

Các phiên tòa án đều phải công khai, trừ những trường hợp đặc biệt.

Người bị cáo được quyền tự bào chữa lấy hoặc mượn luật sư.

Điều thứ 68

Cấm không được tra tấn, đánh đập, ngược đãi những bị cáo và tội nhân.

Điều thứ 69

Trong khi xét xử, các viên thẩm phán chỉ tuân theo pháp luật, các cơ quan khác không đ- ợc can thiệp.

Chương VII**SỐA ỘI HIẾN PHÁP****Điều thứ 70**

Sửa đổi Hiến pháp phải theo cách thức sau đây :

- a) Do hai phần ba tổng số nghị viên yêu cầu.
- b) Nghị viện bầu một ban dự thảo những điều thay đổi.
- c) Những điều thay đổi khi đã đ- ợc Nghị viện - ng thuận thì phải đ- a ra toàn dân phúc quyết.